

Số: 269 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 03 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành "Bộ tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới nâng cao
tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2018-2020"

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Văn bản số 1345/BNN-VPĐP ngày 08/2/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn xây dựng và triển khai kế hoạch xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 14/04/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành "Bộ tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2016-2020";

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 95 /TTr-SNN ngày 08/8/2018 về việc đề nghị ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về "Bộ tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2018-2020",

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Bộ tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2018-2020".

Điều 2. Nhiệm vụ của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

1. Các Sở, ngành liên quan căn cứ văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, theo chức năng quản lý nhà nước ban hành hướng dẫn thực hiện đối với các tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới nâng cao, giai đoạn 2018-2020.

2. Giao Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

Trên cơ sở các tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 chủ động chỉ đạo triển khai đến các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, Ủy ban nhân dân các xã và nhân dân biết, thực hiện.

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phấn đấu đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn; chỉ đạo, hướng dẫn xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tổ chức thực hiện kế hoạch theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, Ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *sh*

- BCĐTW CTMTQG XDNTM;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT; (báo cáo)
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trưởng Phòng KT;
- Lưu VT (Hòa).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Quang
Nguyễn Đình Quang

**BỘ TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG GIAI ĐOẠN 2018-2020**

(Kèm theo Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 03/10/năm 2018 của UBND tỉnh)

1. Đã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định.
2. Đạt tất cả các tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới nâng cao, cụ thể:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá	Cơ quan phụ trách
I. QUY HOẠCH				
1	Quy hoạch	Quản lý và tổ chức thực hiện đúng quy hoạch xây dựng nông thôn mới; thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung quy hoạch	Đạt	Sở Xây dựng
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI				
2	Giao thông	2.1 Tỷ lệ đường trục thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	70%	Sở Giao thông Vận tải
		2.2. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100% (70% được cứng hóa)	
		2.3. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	70% được cứng hóa	
		2.4. Tất cả các tuyến đường giao thông nông thôn được bảo trì thường xuyên, bảo đảm xanh, sạch, đẹp	Đạt	
3	Thủy lợi	Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa 2 vụ được tưới nước chủ động	≥ 85%	Sở Nông nghiệp và PTNT
4	Điện	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥ 99 %	Sở Công thương
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo
6	Thông tin và Truyền thông	Tỷ lệ số thôn, bản có hệ thống loa phát thanh	≥ 85%	Sở Thông tin và Truyền thông
7	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥ 90%	Sở Xây dựng
8	Quản lý, sử dụng công trình hạ tầng kinh tế - xã hội	Thực hiện quản lý, sử dụng, duy tu, bảo trì, nâng cấp đảm bảo hiệu quả sử dụng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội đã được đầu tư	Đạt	Sở Xây dựng

III. PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN

9	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn so với mức thu nhập quy định từng năm theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới	Tăng 1,2 lần	Cục Thống kê tỉnh
10	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	≤ 6%	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
11	Tổ chức sản xuất	11.1. Thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển hàng hóa chủ lực của xã gắn với kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT
		11.2. Đảm bảo 02 yêu cầu sau: - Có Hợp tác xã thành lập theo Luật HTX năm 2012 hoạt động hiệu quả và được nhân rộng - Tham gia vào chuỗi giá trị gắn với các sản phẩm chủ lực, các sản phẩm là tiềm năng, thế mạnh của địa phương và giá trị của sản phẩm tăng ít nhất 1,5 lần so với sản phẩm đại trà khác của xã	Đạt	
		11.3. Áp dụng cơ giới hóa đối với cây trồng chủ lực, trong đó mức độ cơ giới hóa khâu làm đất ≥ 85 %; khâu chăm sóc và thu hoạch ≥ 60 %	Đạt	
		11.4. Có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ	Đạt	
12	Lao động có việc làm	Đảm bảo giải quyết việc làm cho lao động nông thôn thông qua các mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và tổ chức lại sản xuất	95%	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
IV. GIÁO DỤC - Y TẾ - VĂN HÓA – CẢNH QUAN MÔI TRƯỜNG				
13	Giáo dục và Đào tạo	13.1. Đạt chuẩn xóa mù chữ cấp độ 2; đạt chuẩn và duy trì phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 3	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
		13.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	≥80%	
		13.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥65%	Sở Lao động,

		13.4. Lao động nông thôn trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về cơ chế chính sách của nhà nước, thông tin khoa học - công nghệ, phát triển sản xuất kinh doanh	100%	Thương binh và Xã hội
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤ 20 %	Sở Y tế
		14.2. Đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khỏe và mức hưởng thụ dịch vụ y tế ban đầu cho người dân; kiểm soát hiệu quả các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch; không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người	Đạt	
15	Văn hóa	15.1. Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và thực hiện tốt hương ước, quy ước cộng đồng	100%	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
		15.2. Duy trì và phát huy hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất văn hóa xã, thôn để thu hút đông đảo người dân thường xuyên tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao	Đạt	
		15.3. Có hoạt động bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp văn hóa truyền thống địa phương	Đạt	
		15.4. Cộng đồng dân cư văn minh, dân chủ, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau, thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo từ thiện	Đạt	
16	Cảnh quan - Môi trường	16.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	100% (≥ 65% nước sạch)	Sở Nông nghiệp và PTNT
		16.2. Việc thu gom và xử lý rác thải trên địa bàn xã thực hiện theo quy định	70%	Sở Tài nguyên và Môi trường
		16.3. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥ 80%	
		16.4. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥ 80%	
		16.5. 100% số thôn có hoạt động cải tạo cảnh quan môi trường thường xuyên đảm bảo đường làng, ngõ xóm sáng, xanh, sạch, đẹp	100%	

V. AN NINH TRẬT TỰ - HÀNH CHÍNH CÔNG				
17	An ninh trật tự	An ninh trật tự được đảm bảo; nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; có mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Công an tỉnh
18	Hành chính công	18.1. Giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định	Đạt	Văn phòng UBND tỉnh
		18.2. Xã và 100% số thôn được đánh giá xếp loại tốt về thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	Đạt	Sở Nội vụ
		18.3. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ	Đạt	